TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15/6/2026
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Ánh Tuyết

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Quách Tử Điệc

2. Ông Trần Thanh Khen

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Ái Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long:*** Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 186/2026/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2026 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Giáng X**, sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ: Số F ấp P, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh **Đặng Tuấn K**, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B ấp P, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2026 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Đỗ Giáng X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Tuấn K trên cơ sở quen biết tự tìm hiểu đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long ngày 09/6/2023.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Đến khoảng cuối năm 2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh K có

người phụ nữ khác bên ngoài, không chăm lo cho gia đình, không quan tâm chăm sóc con cái. Cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, chị X và anh K không còn sống chung từ cuối năm 2023 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Nay chị X nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Tuấn K.

- Về con chung: trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Ngọc Ngân A, sinh ngày 24/12/2023 hiện do chị X nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị X yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị X không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn Đặng Tuấn K đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Đỗ Giáng X khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con với bị đơn Đặng Tuấn K có địa chỉ tại phường P, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Đặng Tuấn K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Giáng X và anh Đặng Tuấn K kết hôn có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/6/2023 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Nguyên đơn cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2023, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh K không chăm lo cho gia đình, không quan tâm chăm sóc con cái. Chị X và anh K không còn sống chung từ cuối năm 2023 đến nay,

vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Tại phiên tòa, chị X xác định không còn tình cảm với anh K và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay, anh K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên mặc nhiên anh K cũng đã biết được nguyên nhân dẫn đến ly hôn nhưng anh vẫn chưa có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị X. Từ đó cho thấy anh K không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị X.

Vì vậy, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị X và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu của chị X yêu cầu được ly hôn với anh K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

- Về con chung: chị X và anh K có 01 con chung tên Đặng Ngọc Ngân A, sinh ngày 24/12/2023.

Xét, con chung hiện dưới 36 tháng tuổi và hiện do chị X nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị X, giao con chung cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp vưới quy định tại khoản 3 Điều 81 của luật hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị X rút lại yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị X về cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị X không yêu cầu giải quyết và bị đơn anh K vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc chị X phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Giáng X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Giáng X được ly hôn với anh Đặng Tuấn K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đặng Ngọc Ngân A, sinh ngày 24/12/2023 cho chị Đỗ Giáng X trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Đỗ Giáng X yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Đỗ Giáng X nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị X đã nộp theo biên lai thu số 0004205 ngày 11/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long nên chị X không phải nộp thêm.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV1;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Phạm Thị Ánh Tuyết